| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN H**<br>**TỈNH THANH HÓA** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 08/2025/QĐCNTTLH | *H, ngày 03 tháng 3 năm 2025* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN THAM GIA HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H

Căn cứ vào Điều 32, Điều 33, Điều 34 và Điều 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ Điều 55, 57, 81, 82, 83, khoản 1 Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của người khởi kiện là ông Mai Xuân T, người bị kiện là bà Lê Thị M, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Mai Xuân Q.

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện vụ án ly hôn đề ngày 04/02/2025 của ông Mai Xuân T;

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 14 tháng 02 năm 2025 về thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải sau đây:

Người khởi kiện: Ông Mai Xuân T, sinh năm 1972

Địa chỉ: Số nhà 34, phố Tr, thị trấn S, huyện H, Thanh Hóa

Người bị kiện: Bà Lê Thị M, sinh năm 1976

Địa chỉ: Số nhà 34, phố Tr, thị trấn S, huyện H, Thanh Hóa

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Mai Xuân Q, sinh năm 1998

Địa chỉ: Số nhà 34, phố Tr, thị trấn S, huyện H, Thanh Hóa

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 14 tháng 02 năm 2025 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 14 tháng 02 năm 2025, cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Mai Xuân T và bà Lê Thị M.

1.2. Về con chung: Công nhận ông Mai Xuân T và bà Lê Thị M có 03 con chung là cháu Mai Xuân Q, sinh ngày 01/02/1998 và cháu Mai Xuân Kh, sinh ngày 02/7/2008. Cháu Mai Xuân Q đã đủ tuổi thành niên, vì vậy không yêu cầu giải quyết.

Giao cho ông Mai Xuân T trực tiếp nuôi cháu Mai Xuân Kh. Bà Lê Thị M không phải cấp dưỡng nuôi con. Bà Lê Thị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con của ông T.

1.3. Về tài sản và công nợ:

* Về nợ: Anh Mai Xuân T, chị Lê Thị M thống nhất không nợ ai và không ai nợ anh chị.

* Về tài sản:

Ông Mai Xuân T và bà Lê Thị M thống nhất vợ chồng ông bà có khối tài sản chung:

- Khu nhà 2 tầng trên diện tích đất 100m$^2$ tại thửa số 74+73a$^2$ , tờ bản đồ 5-a, diện tích 100m$^2$, được UBND huyện H giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 370908 cấp ngày 30/6/2004 chủ hộ bà Lê Thị M, tại xã Hoằng Vinh (nay là Thị trấn S), huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Tại thời điểm được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất trên, hộ gia đình tôi có 3 nhân khẩu gồm: Chủ hộ bà Lê Thị M, ông Mai Xuân T (quan hệ với chủ hộ: Chồng), cháu Mai Xuân Q (quan hệ với chủ hộ: Con).

- Khu quán lợp tôn trên diện tích đất 100m$^2$ tại thửa số 69, tờ bản đồ số 07 (199587-8-d) bản đồ địa chính xã Hoằng Vinh lập năm 2014 (Lô số: 01- Mặt bằng quy hoạch số 44/MBQH-UBND ngày 11/11/2010 của UBND huyện), diện tích 100m2. Địa chỉ: thôn 2, xã Hoằng Vinh (nay là thị trấn S), huyện H, tỉnh Thanh Hóa; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 750696 cấp ngày 02/11/2015 chủ sử dụng ông Mai Xuân T và bà Lê Thị M.

- Một xe ô tô nhãn hiệu Honda CITY, Biển số đăng ký 36A- 903.55 tên chủ xe Lê Thị M.

* Ông Mai Xuân T và bà Lê Thị M thống nhất chia tài sản chung của vợ chồng ông T và bà Mai như sau:

Bà Lê Thị M được quyền sử dụng thửa đất số 69, tờ bản đồ số 07 (199587-8-d) bản đồ địa chính xã Hoằng Vinh lập năm 2014 (Lô số: 01 - Mặt bằng quy hoạch số 44/MBQH-UBND ngày 11/11/2010 của UBND huyện), diện tích đất 100m$^2$, mục đích sử dụng: đất ở. Địa chỉ: thôn 2, xã Hoằng Vinh (nay là thị trấn S), huyện H, tỉnh Thanh Hóa; được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 750696 cấp ngày 02/11/2015, chủ sử dụng ông Mai Xuân T và bà Lê Thị M và quyền sở hữu khu quán lợp tôn nằm trên thửa đất trên.

Ông Mai Xuân T được quyền sở hữu chiếc xe ô tô ô tô nhãn hiệu Honda CITY, Biển số đăng ký 36A- 903.55 tên chủ xe Lê Thị M và ông Mai Xuân T có trách nhiệm giao lại cho bà Lê Thị M số tiền mặt là 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng).

* Ông Mai Xuân T, bà Lê Thị M và anh Mai Xuân Q thống nhất chia tài sản chung của vợ chồng quyền sở hữu khu nhà 2 tầng và quyền sử dụng thửa đất số 74+73a$^2$, tờ bản đồ 5-a, diện tích đất 100m$^2$, được UBND huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 370908 cấp ngày 30/6/2004 chủ hộ bà Lê Thị M, tại xã Hoằng Vinh (nay là Thị trấn S), huyện H, tỉnh Thanh Hóa như sau:

Ông Mai Xuân T được được quyền sử dụng thửa đất số 74+73a$^2$ , tờ bản đồ 5-a, diện tích đất 100m$^2$, được UBND huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 370908 cấp ngày 30/6/2004 chủ hộ bà Lê Thị M, tại xã Hoằng Vinh (nay là Thị trấn S), huyện H, tỉnh Thanh Hóa và được toàn quyền sở hữu khu nhà 2 tầng trên thửa đất. Tại thời điểm được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất trên, hộ gia đình tôi có 3 nhân khẩu gồm: Chủ hộ bà Lê Thị M, ông Mai Xuân T (quan hệ với chủ hộ: Chồng), cháu Mai Xuân Q (quan hệ với chủ hộ: Con).

Ông Mai Xuân T và bà Lê Thị M có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp đổi, điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tương ứng với quyền sử dụng thửa đất và tài sản với đất đã được phân chia, theo quy định của pháp luật về đất đai.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bà Lê Thị M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Mai Xuân T chưa thi hành hoặc thi hành chưa đầy đủ đối với khoản tiền ông T có nghĩa vụ giao cho bà Mai là 500.000.000 đồng, ông Mai Xuân T phải chịu tiền lãi suất trên số tiền chưa giao cho bà Mai theo lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi*

*hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 , 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**2**. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- VKSND h.H;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS h.H;
- UBND thị trấn S, h. H;
- Lưu hồ sơ vụ việc, TA.

**THẨM PHÁN**

**Lê Thị Ngọc Tú**